TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 276/2023/HS-ST
Ngày: 19-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Thẩm phán: Ông Bùi Đức Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Ngọc Anh.

2. Bà Nguyễn Đức Hạnh.

3. Bà Tạ Thị Kim Tuyến.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Võ Thành Đủ - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 19/6/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 382/TLST-HS ngày 25/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2538/2023/QĐXXST-HS ngày 02/6/2023, đối với các bị cáo:

1/ **Lê Văn T**, sinh năm 1970 tại Thành phố Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: 1 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn Q và bà Lê Thị T1; V là Lê Thị N và có 02 con, đứa lớn sinh năm 1992, đứa nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 26/4/2021, có mặt.

2/ **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1971 tại tỉnh Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú: Khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: 1 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Trọng C và bà Đặng Thị C1; C2 là Lê Viết C3 (đã ly hôn) và có 02 con,

đứa lớn sinh năm 1994, đứa nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 26/4/2021, có mặt.

3/ **Nguyễn Văn Tâm E**, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở: Số A đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Bảy B và bà Lữ Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 01/5/2021, có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn T3 Em:

Ông Ngô Thanh S là Luật sư của Văn Phòng L3 - Chi nhánh Đ1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

Bị hại:

Phan Thị Ả, sinh năm 1953; trú tại G tỉnh lộ 15, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Lâm Thị T4, sinh năm 1963; trú tại G B, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Tống Thị Thanh T5, sinh năm 1965; trú tại 1 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Lã Huy T6, sinh năm 1982; trú tại 5 đường K, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. Ngô Kim T7 sinh năm 1972; trú tại đường V, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5. Đào Quốc L sinh năm 1958; trú tại 3, Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Lê Văn T cùng Nguyễn Văn Tâm E và Nguyễn Thị T2 đã bàn bạc, phân công thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối rằng T có mối quan hệ mật thiết với những người công tác trong Chính Phủ, C6, T được giao khai thác các kho báu rồi kêu gọi người khác đầu tư tiền vào khai thác để cùng chia lợi nhuận. T giao cho Tâm E tìm mua tiền USD và tiền rồng vàng giả để T đưa nạn nhân làm tin,

đồng thời nhờ Lâm Thị T4 tìm người có nhu cầu đầu tư và T4 đã giới thiệu bà Phan Thị Ả là chị họ hàng của T4 đến gặp T.

Ngày 19/4/2021 bà Ả đến gặp Lê Văn T tại nhà trọ của T số A đường N, Phường A, quận T, lúc này ngoài T còn có Nguyễn Thị T2 và Tống Thị Thanh T5 là bạn của T và T2. T giới thiệu là đảng viên, có mối quan hệ thân thiết với những người công tác ở Chính phủ, C6, T được giao cho khai thác các kho báu của quốc gia chứa rất nhiều tiền, đồ vật, đồ cổ quý hiếm…yêu cầu bà Ả đầu tư tiền để nhận một kho báu là tiền USD M, khoảng 10 ngày sau có lợi nhuận 1.000.000 USD, đồng thời được hưởng các chính sách lâu dài của nhà nước. T4 cũng nói đã từng đến các kho báu ở Tây Ninh, Kiên Giang và đã đầu tư hiện nay là giai đoạn cuối, T4 và T2 nói bà Ả cứ yên tâm đầu tư để được chia lợi nhuận, bà Ả nói chỉ còn 500.000.000 đồng và phải đến Bình Dương lấy thì T đồng ý.

Sau khi bàn bạc xong, Lâm Thị T4 đưa bà Ả ra xe về nhà ở huyện C và sáng ngày 21/4/2021 T4 chạy xe đến C chở bà Ả đến Bình Dương lấy 500.000.000 đồng rồi chạy đến quận T đưa cho T. Khi nhận số tiền này, T yêu cầu bà Ả đầu tư thêm 1.000.000.000 đồng để được hưởng lợi nhuận nhiều hơn và bà Ả đồng ý. Sáng ngày 22/4/2022, T4 chạy xe đến C chở bà Ả đến ngân hàng S1 trên đường L, Quận C để bà Ả rút số tiền 1.000.000.000 đồng, rồi chở bà Ả đến quận T giao tiền cho T. Để tạo niềm tin, T viết giấy vay tiền rồi cùng T2 và T5 ký xác nhận, việc T viết giấy vay tiền nhằm mục đích tạo niềm tin cho bà Ả, thực tế không có việc vay mượn. Khi nhận 1.000.000.000 đồng của bà Ả thì T gọi cho Nguyễn Văn T3 Em đến và giao cho Tâm E số tiền này, đồng thời T đưa cho bà Ả 100 tờ USD Mỹ không có giá trị sử dụng, mệnh giá mỗi tờ là 1.000.000 USD và nói với bà Ả đây là "Tiền bảo chứng". T tiếp tục yêu cầu bà Ả đầu tư thêm 2.000.000.000 đồng để được chia lợi nhuận nhiều hơn, bà Ả đề nghị cho gặp người nhà để trao đổi cụ thể thì T đồng ý. Ngày 23/4/2021 bà Ả cùng chồng và 02 con, trong đó có anh Trương Mạnh Đ đến quán ăn trên đường L, Quận A. Tại đây bà Ả cùng gia đình gặp T, T5, Đào Quốc L và tên D (chưa rõ lai lịch) và trong lúc ăn uống, T giới thiệu D đã từng đầu tư vào dự án khai thác các kho báu quốc gia, còn L thì T giới thiệu công tác ở Chính phủ. T nói tuần sau L sẽ ra Hà Nội họp để làm thủ tục khai thác các kho báu, đồng thời yêu cầu bà Ả nhanh chóng đưa số tiền 2.000.000.000 đồng trong ngày 24/4/2021 để T đưa cho L xử lý công việc. Trưa ngày 24/4/2021 T gọi điện thoại cho anh Trương Mạnh Đ, yêu cầu Đ đưa 2.000.000.000 đồng và anh Đ hẹn sẽ đưa vào ngày 26/4/2021. Do nghi ngờ bị lừa đảo nên bà Ả báo Cơ quan điều tra và khoảng 12 giờ 30 ngày 26/4/2021, T cùng T2 đi đến quán cà phê số F đường T, Phường B, Quận E, nhận của anh Đ 1.000.000.000 đồng và đưa cho anh Đ 01 hộp gỗ, bên trong chứa nhiều tiền rồng vàng thì bị Phòng C7 Công an Thành phố H bắt quả tang.

Số tiền chiếm đoạt của bà Ả, T chuyển cho Nguyễn Văn T3 Em 1.000.000.000 đồng để mua tiền giả, trả tiền thuê văn phòng 100.000.000 đồng,

còn 400.000.000 đồng đưa cho T2 cất giữ. Sau đó T yêu cầu T2 chuyển cho một số người như sau:

-L1 (chưa rõ lai lịch) số tiền 50.000.000 đồng do T vay trước đó.

-L2 (chưa rõ lai lịch) số tiền 10.000.000 đồng.

-Hoàng Thị N1 10.000.000 đồng trả tiền mua vé máy bay.

-Hoàng Thị Lê P 10.000.000 đồng để trả nợ

-Hoàng Thị B1 50.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay Quỹ tín dụng xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

-Bác T8 nguyên là giảng viên Trường Đại học B2 5.000.000 đồng.

-Đào Quốc L 100.000.000 đồng.

-Lâm Thị T4 10.000.000 đồng để trả nợ.

-Nguyễn Bá T9 (cháu T2) 25.000.000 đồng mua thuốc trị bệnh.

-Chi tiền thuê khách sạn, tiêu xài cá nhân, mua vé máy bay…với số tiền 50.000.000 đồng.

Nguyễn Văn Tâm E khai nhận số tiền 1.000.000.000 đồng từ T đã chuyển cho Lã Huy T9 520.000.000 đồng để mua tiền giả các loại, trong đó có tiền USD giả và tiền rồng vàng đã đưa cho T. T3 Em biết đây chỉ là thủ đoạn lừa đảo, Tâm E có vai trò giữ kho tiền của "Các cụ", còn thực tế thì T và Tâm E không có lo cho ai bất cứ việc gì và cũng chẳng có kho báu nào để khai thác. Việc T kêu gọi bà Ả đầu tư số tiền bao nhiêu Tâm E không rõ, nhưng nếu T cần loại tiền giả nào thì Tâm E có trách nhiệm tìm mua và cung cấp cho T. Ngoài ra Tâm E còn đưa cho Ngô Kim T7 trú tại phường A, Quận A số tiền 150.000.000 đồng để mua 02 xấp tiền E1 và Z giả**.**

Lã Huy T9 khai nhận có quen với Tâm E từ năm 2016, T3 Em có gặp hỏi T9 mua USD giả và tiền rồng vàng, T9 có hỏi để làm gì thì Tâm E nói đưa cho "Các cụ" để xử lý công việc ở các kho, nhưng "Các cụ" là ai và kho gì ở đâu thì T9 không biết. Khoảng tháng 4/2021 T9 lên mạng đặt mua rồi cung cấp cho T3 Em 01 xấp tiền 100 tờ USD giả, có mệnh giá mỗi tờ 1.000.000 USD và 01 hộp tiền rồng vàng với số lượng 10.000 tờ, giống tiền Trung Quốc theo yêu cầu của Tâm E. Ngày 23/4/2021, Tâm E chuyển cho T9 520.000.000 đồng thanh toán mua tiền giả 220.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng Tâm Em kêu T9 mua tiền Singapore giả với số lượng 100 tờ, mỗi tờ có mệnh giá 10.000 ND/tờ. T9 khai bán tiền giả cho Tâm E nhằm mục đích hưởng chênh lệch, còn việc Tâm E sử dụng vào mục đích gì thì T9 hoàn toàn không biết và T9 không tham gia bàn bạc gì trong việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Ả. Qua làm việc, biết được số tiền 520.000.000 đồng mà Tâm E chuyển là tiền chiếm đoạt của bà Ả nên tự nguyện nộp lại số tiền trên**.**

Ngô Kim T7 khai có nhận của Tâm E số tiền 150.000.000 đồng là tiền mua 02 xấp tiền Euro, Z giả. Tuyến không biết T3 Em mua để làm gì mà chỉ nói lo công việc "bảo chứng" và "tiền di sản". Tuyến không bàn bạc gì mà chỉ bán theo yêu cầu của Tâm E để hưởng lợi nhuận.

Lâm Thị T4 khai không trực tiếp đi đến các kho báu ở Tây Ninh và Kiên Giang, nhưng vì trước đó nghe T nói có quan hệ thân thiết với những người làm trong Chính phủ, Công an, Quân đội và được giao cho khai thác các kho báu, nên nghĩ rằng các thông tin mà T nói là sự thật nên T4 nói với bà Ả, để bà Ả tin đầu tư tiền cho T để được hưởng lợi, đồng thời nghĩ nếu có lợi nhuận thì T và bà Ả sẽ cho tiền. T4 không tham gia bàn bạc hay thỏa thuận gì với T trong việc chiếm đoạt tiền của bà Ả, còn số tiền 10.000.000 đồng mà T đưa là do trước đây T có nợ của T4 22.000.000 đồng.

Tống Thị Thanh T5 khai nhận do có mối quan hệ từ trước với T, T2 và T4. Ngày 18/4/2021, T5 từ Đắk Nông đến Thành phố Hồ Chí Minh chơi thì được T4 chở đến nhà trọ của T và ở lại tại đây. Ngày 19/4/2021, T4 chở bà Ả đến gặp T để trao đổi việc đầu tư tiền vào khai thác các kho báu, T5 có nghe nhưng không tham gia bàn bạc mà có nói bà Ả cứ yên tâm đầu tư. Trong thời gian ở cùng nhà trọ, T và T2 có đưa cho T5 số tiền 500.000 đồng để mua thức ăn chung. Việc xác nhận vào giấy mượn tiền cùng với T là do bà Ả yêu cầu nên T5 ký xác nhận.

Đào Quốc L khai nhận có mối quan hệ quen biết với T, khoảng cuối năm 2020 T có vài lần đến nhà L và nhờ L xem có ai cho vay tiền thì T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn kinh doanh. L cũng gợi ý có mối kinh doanh mua nhôm phế liệu để xuất sang Trung Quốc thu được lợi nhuận rất cao, nếu thế chấp được đất thì T cho L mượn 200.000.000 đồng để kinh doanh và cùng chia lợi nhuận thì T đồng ý. Đến ngày 23/4/2021, D (chưa rõ lai lịch) gọi điện báo cho L biết rằng T đã vay được tiền từ người chị kết nghĩa và rủ L đến quán ăn trên đường L, Quận A để ăn uống cùng họ, nên L nhận lời. Khoảng 19 giờ ngày 23/4/2021, L đi đến quán ăn thì thấy có khoảng trên 10 người, T giới thiệu chị kết nghĩa tên Ả nhà ở C, có 02 người con trai, trong đó có người tên là Đ và ăn uống khoảng hơn 01 giờ thì L có việc nên đi về trước. Trưa ngày 24/4/2021, T đi cùng T2 đến nhà đưa cho L 50.000.000 đồng, tiền mặt còn 50.000.000 đồng do T2 chuyển khoản và T hẹn vài hôm sau đưa tiếp 100.000.000 đồng. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên không kinh doanh được, L có liên hệ để thông báo cho T biết nhưng không liên lạc được. L không tham gia, không bàn bạc, không biết việc T chiếm đoạt tiền của bà Ả. Qua làm việc L biết số tiền 100.000.000 đồng do T chiếm đoạt của bà Ả, nên L tự nguyện giao nộp lại.

Vật chứng thu giữ:

1. Thu giữ của Lê Văn T:

- 01 điện thoại di động hiệu Realme (đã qua sử dụng)

- 01 thẻ B3 mang tên Lê Thị Thu H1.

- 01 hộp gỗ, bên trong có 10.000 tờ giấy giống tiền có in chữ The Peoples Republic of China.

- 01 tờ giấy biên nhận viết tay có chữ ký xác nhận của Lê Văn T.

- 07 thẻ ATM và 03 sim điện thoại các loại.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lư Tiểu P1, xe biển số 54K2-5247.

- 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T.

- 01 giấy chứng nhận nhà đất số CS733411, do Lê Văn T đứng tên.

- 02 quyển vở ghi chép có xác nhận của T và T2.

- 01 hợp đồng chuyển giao và xử lý kim loại quý, đá quý.

- 01 hợp đồng góp vốn kinh doanh có chữ ký xác nhận của Lê Văn T và Nguyễn Thị Tuyết .

- 03 ảnh chụp in trên giấy A4 ghi ngày 09/4/2021 có chữ ký xác nhận của Lê Văn T và Nguyễn Thị Tuyết .

- 03 đồng hồ đeo tay không rõ hiệu.

2. Thu của Nguyễn Thị T2:

- 01 điện thoại di động hiệu Realme (đã qua sử dụng).

- 01 máy tính bảng hiệu Sam sung, màu bạc.

- 01 giấy nộp tiền tại ngân hàng Agribank ngày 22/4/2021 do Nguyễn Thị T2 nộp vào tài khoản 126438 số tiền 7.239.543 đồng.

- 01 giấy nộp tiền tại Vietcombank do Nguyễn Thị T2 nộp vào tài khoản 1018029024 số tiền 50.000.000 đồng.

- 01 giấy nộp tiền tại Vietcombank do Nguyễn Thị T2 nộp vào tài khoản 1017251598 số tiền 20.000.000 đồng.

3. Thu của Nguyễn Văn T3 Em:

- 05 thẻ ATM các loại.

- 03 đồng hồ kim loại màu vàng.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia (loại cảm ứng đã qua sử dụng).

- 02 điện thoại di động hiệu Samsung (Galaxy Fold và Galaxy J6 đã qua sử dụng).

- 02 giấy nộp tiền ngân hàng A1 chuyển khoản số tiền 520.000.000 đồng vào tài khoản số 888511518 tên Lã Huy T6.

- 01 giấy đăng ký kinh doanh công ty CP Đ2.

- 11 hợp đồng chuyển nhượng và tiếp nhận vật thể kim loại quý.

- 01 hồ sơ tài khoản kho.

- 100 tờ giấy logo nền Reserve bank of Reserve Bank of.

- 200 tờ giấy có logo One M1 Euro.

- 02 đồng hồ không hiệu, màu vàng.

- 01 điện thoại di động Nokia (đã củ không sử dụng được).

- 01 đèn soi tiền.

- 03 giấy A4 gồm tiếng Anh và phụ đề tiếng Việt có ký xác nhận của Nguyễn Văn T3 Em.

- 01 hợp đồng chuyển nhượng và tiếp nhận kim loại quý có tên Nguyễn Văn T3 Em.

- 01 thuyết minh dự án điện mặt trời, chủ đầu tư Nguyễn Văn Tâm E.

- Số tiền 165.000.000 đồng.

4. Thu của Lâm Thị T4:

- 01 điện thoại di động hiệu Galaxy J8 (đã qua sử dụng)

- 01 bản hợp đồng pho to vay tiền số 1684 ngày 15/02/2020 bên cho vay Ngô Kim C4, bên vay Lâm Thị T4.

- 01 bản hợp đồng pho to bên nhận chuyển giao Nguyễn Phi H2, Nguyễn Văn D1 gồm 09 trang có chữ ký của Lâm Thị T4.

- 04 bản pho to hợp đồng và cam kết việc chuyển giao, tiếp nhận và xử lý USD 2003 – 2013, mệnh giá 100USD/01 tờ có chữ ký Lâm Thị T4.

- 02 bản pho to cam kết không hủy ngang về việc tự nguyện thỏa thuận hợp tác đầu tư tìm kiếm thu gom hàng USD trôi nổi trên lãnh thổ Việt Nam.

- 01 bản chính cam kết không hủy ngang về việc tự nguyện thỏa thuận hợp tác đầu tư, tìm kiếm, thu gom hàng USD trôi nổi trên lãnh thổ Việt Nam có chữ ký đại diện bên A là Tính Thị Mai T10.

- 02 bản chính biên nhận ghi ngày 21/01/2021 và ngày 03/6/2020 có chữ ký của Tính Thị Mai T10.

- 01 bản chính giấy cam kết ghi ngày 25/3/2020 có chữ ký của Nguyễn Thị Cúc H3.

- 01 bản chính giấy xác nhận giao tiền ghi ngày 25/6/2020 người giao Lâm Thị T4, người nhận Lâm Xuân T11, người làm chứng Nguyễn Thị Cúc H3.

5. Thu của Tống Thị Thanh T5 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ (đã qua sử dụng).

6. Thu của Lã Huy T6:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 8800.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung.

- 01 máy soi tiền hiệu Supper màu đen.

- Số tiền 533.500.000 đồng.

7. Thu của Ngô Kim T7

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone (đã qua sử dụng).

- Số tiền 150.000.000 đồng.

8. Thu của Đào Quốc L 100.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 387/CT-VKS-P1, ngày 29/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn Tâm E, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như Viện kiểm sát đã hệ thống tại bản Cáo trạng. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bà Ả 3 lần với số tiền 2,5 tỷ đồng nên đều phạm vào tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo T là người chủ mưu, bị cáo Tâm E là người giúp sức tích cực còn bị cáo T2 là người giúp sức, nhưng vai trò bị cáo T2 thấp hơn vai trò của bị cáo Tâm E.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 năm đến 14 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 Em từ 11 năm đến 12 năm tù và xử

phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 từ 9 năm đến 10 năm tù; cùng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về vật chứng: Đề nghị Tòa xử lý theo qui định của pháp luật.

Về dân sự: Đề nghị Tòa buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Phan Thị Ả.

Luận cứ của Luật sư bào chữa cho các bị cáo như sau:

- Về tội danh: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt; Các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Các bị cáo cung cấp thông tin đầy đủ để Cơ quan điều tra tiến hành thu hồi số tiền mà các bị cáo đưa cho Lã Xuân T12, Ngô Kim T7 và Đào Quốc L, để giải quyết bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về hình phạt: Luật sư đề nghị Tòa áp dụng mức án cho các bị cáo thấp hơn mức mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, tranh luận với Luật sư như sau:

- Đại diện Viện kiểm sát cho rằng các bị cáo khai báo đầy đủ hành vi phạm tội của mình và người khác đã được Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo. Còn số tiền tạm giữ của Lã Xuân T12, Ngô Kim T7 và Đào Quốc L là do Cơ quan điều tra tiến hành thu hồi nên các bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Luật sư đề nghị Tòa áp dụng hình phạt cho các bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị thì do Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Luật sư, các bị cáo và Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận vấn đề nào khác và đều bảo lưu ý kiến đã tranh luận.

Bị hại yêu cầu tòa xử phạt các bị cáo nghiêm minh, đúng pháp luật và buộc bị cáo Lê Văn T phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bà. Đối với Lâm Thị T4, Đào Quốc L và Tống Thị Thanh T5 đều có hành vi lừa đảo bà nhưng không bị truy tố là chưa thỏa đáng.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo yêu cầu tòa giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, căn cứ lời khai của bị hại và những chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được, có đủ căn cứ để xác định: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn Tâm E, do Lê Văn T khởi xướng đã cùng nhau bàn bạc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối, về việc bị cáo T được Chính phủ giao khai thác các kho báu quốc gia, rồi kêu gọi người khác đầu tư tiền, để các bị cáo chiếm đoạt. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lê Văn T nhờ Lâm Thị T4 tìm người đầu tư với hứa chia cho T4 20% lợi nhuận và ngày 19/4/2021 bị cáo T, bị cáo T2 đã tiếp cận được bà Phan Thị Ả, do Lâm Thị T4 dẫn đến. Bị cáo T giới thiệu với bà Ả rằng bị cáo là đảng viên, có mối quan hệ mật thiết với những người đang công tác trong Chính Phủ, C6, được Chính phủ giao khai thác các kho báu quốc gia và kêu gọi bà Ả đầu tư tiền để nhận một kho báu, khoảng 10 ngày sau có lợi nhuận 1.000.000 USD, đồng thời được hưởng các chính sách lâu dài của nhà nước. Bà Ả còn chần chừ thì Lâm Thị T4 và Tống Thị Thanh T5 nói với bà Ả là T4 và T5 đã từng đến các kho báu ở Tây Ninh, Kiên Giang và đã đầu tư khai thác, hiện nay là giai đoạn cuối và nói bà Ả cứ yên tâm đầu tư để được chia lợi nhuận. Do tin Tống Thị Thanh T5 và Lâm Thị T4 nhất là T4 là người họ hàng đã đến kho báu, đang đầu tư khác thác kho báu nên bà Ả đồng ý góp tiền đầu tư kho báu theo lời mời gọi của bị cáo T và ngày 21/4/2021 bà Ả đến đưa cho bị cáo T 500.000.000 đồng, ngày 22/4/2022 bà Ả đến đưa cho bị cáo T 1.000.000.000 đồng.

Sau khi chiếm đoạt được 1,5 tỷ đồng của bà Ả thì bị cáo T nói cho Đào Quốc L biết sự việc và L nói với bị cáo T là "Kêu bà Ả đầu tư vào kho báu". Theo đề xuất của Đào Quốc L, bị cáo T gọi điện thoại, hẹn bà Ả ngày 23/4/2021 đến tại quán ăn ở đường L, Quận A để trao đổi việc tiếp tục góp vốn đầu tư khai thác kho báu. Bị cáo T dẫn theo Đào Quốc L và D chưa rõ lai lịch để gặp bà Ả, tại đây bị cáo T giới thiệu L đang công tác ở Chính phủ, D là người đang khai thác kho báu ở P và nói qua tuần Lộc sẽ ra Hà Nội họp với Chính phủ để tiến hành khai thác kho báu, rồi bảo bà Ả tranh thủ đưa thêm 2 tỷ đồng để ngày 24/4/2021 L mang ra Hà Nội lo công việc, Đào Quốc L cũng hứa với bà Ả là sẽ giúp cho con bà lên

chức. Vì tin tưởng vào cương vị và công việc làm của L và D nên bà Ả đồng ý tiếp tục đầu tư tiền. Ngày 26/4/2021 bị cáo T nhắn tin cho anh Trương Mạnh Đ là con của bà Ả mang trước 1 tỷ đồng đến quán cafe số F đường T, Phường B, Quận E để đưa cho bị cáo. Bị cáo cùng bị cáo T2 đến địa chỉ trên và anh Đ bị cáo 1 tỷ đồng, bị cáo đưa cho anh Đ một hộp gỗ, bên trong có chứa nhiều tiền rồng vàng thì bị Công an bắt quả tang cùng với tang vật.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn Tâm E đã chiếm đoạt của bà Lê Thị Ả1 với số tiền 2,5 tỷ đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên", tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng, nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T và bị cáo T2 tỏ ra ăn năn hối cải, nhưng khai báo chưa thành khẩn như đã khai tại Cơ quan điều tra, cụ thể các bị cáo không thừa nhận có hành vi chiếm đoạt của bà Ả1 1,5 tỷ đồng mà là tiền vay của Ả1, nên dù được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhưng mức độ xem xét, giảm nhẹ không nhiều. Sau khi tội phạm bị phát hiện thì Cơ quan điều tra thu giữ bị cáo Nguyễn Văn T3 Em 165.000.000 đồng; Lê Thị Thu H1 con của bị cáo Lê Văn T đã nộp tại Cơ quan điều tra 300.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, chứ không phải tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Luật sư đề nghị. Các bị cáo chiếm đoạt tài sản của bà Ả1 3 lần vào 3 thời điểm khác nhau, mỗi lần ít nhất là 500.000.000 đồng, nên đều phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật này.

[4] Về áp dụng hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, nó không những xâm phạm đến tài sản của người khác, là một trong những khách thể quan trọng được Bộ luật hình sự bảo vệ, mà còn gây mất an ninh, trật tự và an toàn xã hội ở địa phương. Trong vụ án này bị cáo Lê Văn T vừa là người chủ mưu, vừa là người thực hành tội phạm, vai trò của bị cáo T thể hiện sau khi có ý tưởng chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua hành vi mời gọi đầu tư "Khai thác kho báu quốc gia" thì bị cáo rủ Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn T3 Em cùng tham gia phạm tội; bị cáo là người trực tiếp yêu cầu bà Lâm Thị T4 tìm người đầu tư tiền, nhờ Đào Quốc L và D đóng vai người của Chính phủ và người đang khai thác kho báu tại P khi gặp bà Ả1; bị cáo là người trực tiếp nhận tiền của bà Phan Thị Ả và là người quản lý, định đoạt tài sản chiếm đoạt được. Bị cáo cũng là người tạo chứng cứ giả

(Chiếm đoạt tiền nhưng viết giấy vay tiền) để đối phó với cơ quan chức năng khi bị phát hiện. Do đó, hình phạt áp dụng cho bị cáo Lê Văn T phải cao hơn các đồng phạm khác và phải nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe đối với người khác.

Bị cáo Nguyễn Thị T2 và bị cáo Nguyễn Văn T3 Em đều là người đồng thực hành, nhưng hành vi bị cáo Nguyễn Văn T3 Em tích cực hơn, nguy hiểm hơn so với bị cáo T2. Bỡi bị cáo Tâm E là người trực tiếp bàn bạc với bị cáo T về thủ đoạn thực hiện tội phạm, là người tìm nguồn tiền giả các loại với số lượng lớn để giao cho bị cáo T, để bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội; tại Cơ quan điều tra bị cáo khai báo thành khẩn, song tại phiên tòa thì bị cáo khai báo quanh co, không đúng với các tình tiết khách quan của vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị T2 luôn song hành với bị cáo Lê Văn T trong quá trình bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, từ lúc bị cáo T gặp bà Ả, kêu gọi bà Ả đầu tư tiền để "Khai thác kho báu" cho đến khi bị bắt; bị cáo có mặt cả 3 lần khi bị cáo T chiếm đoạt tiền bà Ả, trực tiếp ký vào "Giấy vay tiền" do bị cáo T viết đưa cho bà Ả, mà bị cáo biết rõ đây là tiền chiếm đoạt của bà Ả và biết mục đích bị cáo T viết "Giấy vay tiền" là nhằm để đối phó với Cơ quan chức năng sau này; bị cáo cũng là người được bị cáo T giao cho nhiệm vụ giữ tiền và chuyển tiền cho người khác, theo chỉ đạo của bị cáo T. Với hành vi như vậy, nên mức án áp dụng đối với bị cáo T2 phải cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt mà các bị cáo đã phạm và mức án áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn T3 Em phải cao hơn mức án áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết .

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 còn quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền". Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo phạm tội có dự mưu trước, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền để tăng cường tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa loại tội phạm này.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan thu giữ các vật chứng từ các bị cáo và những người liên quan, cụ thể như sau:

[6.1] Thu giữ của bị cáo Lê Văn T:

- 01 điện thoại di động hiệu Realme (đã qua sử dụng). Đây là công cụ mà bị cáo phạm tội, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 hộp gỗ, bên trong có 10.000 tờ giấy giống tiền có in chữ The Peoples Republic of China.

Đây là vật cấm lưu hành, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lư Tiểu P1, chiếc xe biển số 54K2-5247.

- 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T.

- 01 giấy chứng nhận nhà đất số CS733411, do Lê Văn T đứng tên.

- 01 máy tính bảng hiệu Sam sung, màu bạc.

- 03 đồng hồ đeo tay không rõ hiệu.

Đây là những tài liệu, đồ vật không liên quan đến vụ án, nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- 01 thẻ ATM ngân hàng B3 mang tên Lê Thị Thu H1.

- 01 tờ giấy biên nhận viết tay có chữ ký xác nhận của Lê Văn T.

- 07 thẻ ATM và 03 sim điện thoại các loại.

- 02 quyển vở ghi chép có xác nhận của T và T2.

- 01 hợp đồng chuyển giao và xử lý kim loại quý, đá quý.

- 01 hợp đồng góp vốn kinh doanh có chữ ký xác nhận của Lê Văn T và Nguyễn Thị Tuyết .

- 03 ảnh chụp in trên giấy A4 ghi ngày 09/4/2021 có chữ ký xác nhận của Lê Văn T và Nguyễn Thị Tuyết .

Các loại giấy tờ, tài liệu trên là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[6.2] Thu của Nguyễn Thị T2:

- 01 điện thoại di động hiệu Realme, đã qua sử dụng. Đây là công cụ mà bị cáo phạm tội, nên căn cứ a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 giấy nộp tiền tại A ngày 22/4/2021 do Nguyễn Thị T2 nộp vào tài khoản 126438 số tiền 7.239.543 đồng.

- 01 giấy nộp tiền tại Vietcombank do Nguyễn Thị T2 nộp vào tài khoản 1018029024 số tiền 50.000.000 đồng.

- 01 giấy nộp tiền tại Vietcombank do Nguyễn Thị T2 nộp vào tài khoản 1017251598 số tiền 20.000.000 đồng.

Các loại giấy tờ, tài liệu trên là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[6.3] Thu của Nguyễn Văn T3 Em.

- 05 thẻ ATM các loại.

- 03 đồng hồ kim loại màu vàng.

- 02 đồng hồ không hiệu, màu vàng.

Là những tài liệu, đồ vật không liên quan đến vụ án nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo. Nhưng tiếp tục tạm giữ 03 đồng hồ kim loại màu vàng và 02 đồng hồ không hiệu, màu vàng để đảm bảo cho việc thi hành án.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại cảm ứng đã qua sử dụng.

- 02 điện thoại di động hiệu Samsung (Galaxy Fold và Galaxy J6) đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động Nokia (đã cũ không sử dụng được).

- 01 đèn soi tiền.

Các vật chứng trên là công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng để phạm tội, nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 02 giấy nộp tiền ngân hàng A1 chuyển khoản số tiền 520.000.000 đồng vào tài khoản số 888511518 tên Lã Huy T6.

- 01 giấy đăng ký kinh doanh công ty CP Đ2.

- 11 hợp đồng chuyển nhượng và tiếp nhận vật thể kim loại quý.

- 01 hồ sơ tài khoản kho.

- 100 tờ giấy logo nền Reserve bank of Reserve Bank of.

- 200 tờ giấy có logo One M1 Euro.

- 03 giấy A4 gồm tiếng Anh và phụ đề tiếng Việt có ký xác nhận của Nguyễn Văn T3 Em.

- 01 hợp đồng chuyển nhượng và tiếp nhận kim loại quý có tên Nguyễn Văn T3 Em.

- 01 thuyết minh dự án điện mặt trời, chủ đầu tư Nguyễn Văn Tâm E.

Các loại giấy tờ, tài liệu trên là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên lưu vào hồ sơ vụ án.

- Số tiền 165.000.000 đồng, đây là tiền có nguồn gốc của bà Phan Thị Ả mà các bị cáo chiếm đoạt được, nên tịch thu để trả lại cho bà Ả.

[6.4] Thu của Lâm Thị T4:

- 01 điện thoại di động hiệu Galaxy J8 (đã qua sử dụng). Bà T4 sử dụng điện thoại này để liên lạc với bị cáo T, truyền tải ý kiến của bị cáo T đến bà Ả. Cơ quan

điều tra và Viện kiểm sát kết luận bà không có hành vi giúp sức cho bị cáo T, nên tuyên trả lại cho bà T4.

- 01 bản Hợp đồng pho to vay tiền số 1684 ngày 15/02/2020 bên cho vay Ngô Kim C4, bên vay Lâm Thị T4.

- 01 bản Hợp đồng pho to bên nhận chuyển giao Nguyễn Phi H2, Nguyễn Văn D1 gồm 09 trang có chữ ký của Lâm Thị T4.

- 04 bản pho to hợp đồng và cam kết việc chuyển giao, tiếp nhận và xử lý USD 2003 – 2013, mệnh giá 100USD/01 tờ có chữ ký Lâm Thị T4.

- 02 bản pho to cam kết không hủy ngang về việc tự nguyện thỏa thuận hợp tác đầu tư tìm kiếm, thu gom hàng USD trôi nổi trên lãnh thổ Việt Nam.

- 01 bản chính cam kết không hủy ngang về việc tự nguyện thỏa thuận hợp tác đầu tư, tìm kiếm, thu gom hàng USD trôi nổi trên lãnh thổ Việt Nam, có chữ ký đại diện bên A là Tính Thị Mai T10.

- 02 bản chính biên nhận ghi ngày 21/01/2021 và ngày 03/6/2020 có chữ ký của Tính Thị Mai T10.

- 01 bản chính Giấy cam kết ghi ngày 25/3/2020 có chữ ký của Nguyễn Thị Cúc H3.

- 01 bản chính Giấy xác nhận giao tiền ghi ngày 25/6/2020 người giao Lâm Thị T4, người nhận Lâm Xuân T11, người làm chứng Nguyễn Thị Cúc H3.

Là những tài liệu có dấu hiệu tội phạm, nhưng không liên quan đến vụ án này nên giao trả lại cho Cơ quan điều tra Công an Thành phố H để xử lý theo thẩm quyền.

[6.5] Thu của Tống Thị Thanh T5:

01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ (đã qua sử dụng). Kết quả điều tra không chứng minh T5 sử dụng điện thoại này để thực hiện hành vi trái pháp luật nên tuyên trả lại cho Tống Thị Thanh T5.

[6.6] Thu của Lã Huy T6:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 8800.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung.

- 01 máy soi tiền hiệu Supper màu đen.

Các vật chứng trên không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên tuyên trả lại cho Lã Huy T6.

- Số tiền 533.500.000 đồng. Trong số tiền này thì có 520.000.000 đồng có nguồn gốc từ tiền của bà Phan Thị Ả mà các bị cáo chiếm đoạt được, nên tịch thu

520.000.000 đồng để trả lại cho bà Ả. Số tiền còn lại 13.500.000 đồng trả lại cho Lã Huy T6.

[6.7] Thu của Ngô Kim T7

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone (đã qua sử dụng). Quá trình điều tra không chứng minh T7 sử dụng chiếc điện thoại trên vào việc phạm pháp, nên tuyên trả lại cho Ngô Kim T7.

- Số tiền 150.000.000 đồng. Đây là tiền có nguồn gốc từ tiền của bà Phan Thị Ả mà các bị cáo chiếm đoạt, nên tịch thu để trả lại cho bà Ả.

[6.8] Thu của Đào Quốc L:

Số tiền 100.000.000 đồng. Đây là tiền có nguồn gốc từ tiền của bà Phan Thị Ả mà các bị cáo chiếm đoạt, nên tịch thu để trả lại cho bà Ả.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bà Phan Thị Ả yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà với số tiền 1.500.000.000 đồng. Yêu cầu của bà Ả phù hợp với Điều 48 của của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được tòa chấp nhận.

Số tiền 1,5 tỷ đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt được của bà Phan Thị Ả thì bị cáo Lê Văn T đã đưa cho bị cáo Nguyễn Văn T3 Em 1.000.000.000 đồng để mua tiền giả, bị cáo T dùng 100.000.000 đồng để trả tiền thuê Văn phòng, còn 400.000.000 đồng thì đưa cho T2 cất giữ.

Bị cáo T2 chuyển tiền đến một số người theo chỉ đạo của bị cáo T cụ thể là:

- Đưa cho L1 (chưa rõ lai lịch) số tiền 50.000.000 đồng, do T vay trước đó.

- Đưa cho L2 (chưa rõ lai lịch) số tiền 10.000.000 đồng.

- Đưa cho Hoàng Thị N1 10.000.000 đồng trả tiền mua vé máy bay.

- Đưa cho Hoàng Thị Lê P 10.000.000 đồng để trả nợ.

- Đưa cho Hoàng Thị B1 50.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay Quỹ tín dụng xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đưa cho ông T8, nguyên là giảng viên Trường Đại học B2 5.000.000 đồng.

- Đưa cho Nguyễn Bá T9 là cháu T2 25.000.000 đồng mua thuốc trị bệnh.

- Chi tiền thuê khách sạn, tiêu xài cá nhân, mua vé máy bay…với số tiền 50.000.000 đồng.

- Đưa cho Đào Quốc L 100.000.000 đồng.

- Đưa cho Lâm Thị T4 10.000.000 đồng.

Tổng cộng là 320.000.000 đồng. Số tiền còn lại 80.000.000 đồng bị cáo T2 sử dụng, nên buộc bị cáo T2 phải có nghĩa vụ nộp 80.000.000 đồng để trả cho bà Ả.

Bị cáo Nguyễn Văn T3 Em nhận 1.000.000.000 đồng từ bị cáo T, số tiền này bị cáo đã chuyển cho Lã H4 Trường 520.000.000 đồng để mua tiền giả các loại và đưa cho Ngô Kim T7 150.000.000 đồng để mua 02 xấp tiền E1 và Z giả. Cơ quan điều tra đã thu hồi Lã Huy T6 520.000.000 đồng thu hồi Ngô Kim T7 150.000.000 đồng và thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T3 Em 165.000.000 đồng, tổng cộng là 835.000.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Văn T3 Em phải có nghĩa vụ nộp 165.000.000 đồng, để trả cho bà Ả.

Cơ quan điều tra thu hồi Đào Quốc L số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo Lê Văn T đưa. Do đó số tiền mà bị cáo T phải nộp để bồi thường cho bà Phan Thị Ả là: 1.500.000.000 đồng – (520.000.000 đồng + 150.000.000 đồng + 165.000.000 đồng + 165.000.000 đồng + 100.000.000 đồng + 80.000.000 đồng) = 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng. Quá trình điều tra, con của bị cáo T là Lê Thị Thu H1 đã nộp 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, nên tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Trong vụ án này, ngoài các bị cáo bị truy tố thì hành vi của Lâm Thị T4, Tống Thị Thanh T5, Đào Quốc L và D cũng đã thỏa mãn các dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Lê Văn T. Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung dấu hiệu phạm tội của những người này, nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm. Do đó, theo giới hạn của việc xét xử qui định tại Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự thì tòa chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

Nhận định trên cũng là lập luận để chấp nhận một phần ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và một phần luận cứ bào chữa của Luật sư.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

1. Xử phạt Lê Văn T 15 (Mười lăm) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 26/4/2021).

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 Em 14 (Mười bốn) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 01/5/2021).

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 13 (Mười ba) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 26/4/2021).

Căn cứ khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Phạt bổ sung Lê Văn T 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

- Phạt bổ sung Nguyễn Văn T3 Em 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

- Phạt bổ sung Nguyễn Thị T2 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Để sung vào ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên tịch thu đối với những người sau, với số tiền cụ thể như sau:

- Tịch thu Lã Huy T6 số tiền 520.000.000 (Năm trăm hai mươi triệu) đồng.

- Tịch thu Đào Quốc L số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

- Tịch thu Ngô Kim T7 số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

- Tịch thu Nguyễn Văn T3 Em số tiền 165.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

Tổng cộng là 935.000.000 (Chín trăm ba mươi lăm triệu) đồng, để trả cho bà Phan Thị Ả.

T13 trả lại cho Lã Huy T6 13.500.000 (Mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Số tiền trên hiện Ngân hàng TMCP C8 đang tạm giữ, theo giấy nộp tiền ngày 04/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Về vật chứng của vụ án:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng sau:

- 01 điện thoại di động hiệu Realme (đã qua sử dụng, không kiểm tra imei do không có nguồn điện), mã số DT1/606BB/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme (đã qua sử dụng, không kiểm tra imei do không có nguồn điện), mã số DT2/606BB/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia (loại cảm ứng đã qua sử dụng, model TA1053), mã số DT3/606BB/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung (Galaxy Fold đã qua sử dụng, thực nhận 01 điện thoại Samsung Fold, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện), mã số DT4/606BB/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung (Galaxy J6 đã qua sử dụng, thực nhận 01 điện thoại Samsung J6, số imei:….054258), mã số DT5/606BB/2022.

- 01 điện thoại Nokia (đã cũ không sử dụng được, số imei: …44907), mã số DT6/606BB/2022.

- 01 đèn soi tiền mã số DEN/606BB/2022.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả cho các bị cáo sau, với những đồ vật, tài sản sau:

2.1. Trả cho bị cáo Lê Văn T :

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lư Tiểu P1, chiếc xe biển số 54K2-5247, mã số GIAY2/606BB/2022.

- 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T, mã số GIAY3/606BB/2022.

- 01 giấy chứng nhận nhà đất số CS733411, do Lê Văn T đứng tên, mã số GIAY4/606BB/2022.

- 01 máy tính bảng hiệu Samsung, màu bạc (số imei:….489572), mã số MTB/606BB/2022.

- 03 đồng hồ đeo tay không rõ hiệu (01 cái có chữ Royal C5, 02 cái có chữ Hồ Chí M2), mã số DH/606BB/2022.

Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

2.2. Trả lại cho Tâm E:

- 05 thẻ ATM các loại, mã số THE3/606BB/2022.

- 03 đồng hồ kim loại màu vàng (có chữ và hình Hồ Chí M2), mã số DH1/606BB/2022.

- 02 đồng hồ không hiệu, màu vàng (có chữ và hình Hồ Chí M2), mã số DH2/606BB/2022.

Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảo bảo cho việc thi hành án.

2.3. Trả lại cho Tống Thị Thanh T5:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ (đã qua sử dụng, không kiểm tra imei do không có nguồn điện), mã số DT8/606BB/2022.

2.4. Trả Lã Huy T6:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone (imei ở khay sim: …670501), mã số DT9/606BB/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia (số imei:…3769/4), mã số DT10/606BB/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung (thực nhận 01 điện thoại Samsung, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện), mã số DT11/606BB/2022.

- 01 máy soi tiền hiệu Supper màu đen (thực nhận máy soi tiền Snipper màu đen), mã số MAY/606BB/2022.

2.5. Trả lại cho Ngô Kim T7:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone (đã qua sử dụng, màu vàng, imei ở khay sim:….906453), mã số DT12/606BB/2022.

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 hộp gỗ, bên trong có 10.000 tờ giấy giống tiền có in chữ The Peoples Republic of China, mã số HOP/606BB/2022.

4. Lưu vào hồ sơ vụ án các giấy tờ, tài liệu sau:

- 01 thẻ B3 mang tên Lê Thị Thu H1, mã số THE1/606BB/2022.

- 01 tờ giấy biên nhận viết tay có chữ ký xác nhận của Lê Văn T (bản photo), mã số GIAY1/606BB/2022.

- 07 thẻ ATM và 03 sim điện thoại các loại, mã số THE2/606BB/2022 và SIM/606BB/2022.

- 02 quyển vở ghi chép có xác nhận của T và T2, mã số VO/606BB/2022.

- 01 hợp đồng chuyển giao và xử lý kim loại quý, đá quý, mã số HD/606BB/2022.

- 01 hợp đồng góp vốn kinh doanh có chữ ký xác nhận của Lê Văn T và Nguyễn Thị T2, mã số HD1/606BB/2022.

- 01 giấy nộp tiền tại Agribank ngày 22/4/2021 do Nguyễn Thị T2 nộp vào tài khoản 126438 số tiền 7.239.543 đồng, mã số GIAY5/606BB/2022.

- 01 giấy nộp tiền tại Vietcombank do Nguyễn Thị T2 nộp vào tài khoản 1018029024 số tiền 50.000.000 đồng, mã số GIAY6/606BB/2022.

- 01 giấy nộp tiền tại Vietcombank do Nguyễn Thị T2 nộp vào tài khoản 1017251598 số tiền 20.000.000 đồng, mã số GIAY7/606BB/2022.

- 03 ảnh chụp in trên giấy A4 ghi ngày 09/4/2021 có chữ ký xác nhận của Lê Văn T và Nguyễn Thị T2, mã số ANH/606BB/2022.

- 02 giấy nộp tiền ngân hàng A1 chuyển khoản số tiền 520.000.000 đồng vào tài khoản số 888511518 tên Lã Huy T6, mã số GIAY8/606BB/2022.

5. Giao trả lại cho Cơ quan điều tra Công an Thành phố H để xử lý theo thẩm quyền, những tài liệu có dấu hiệu tội phạm, nhưng không liên quan đến vụ án gồm:

- 01 giấy đăng ký kinh doanh công ty CP Đ2, mã số GIAY9/606BB/2022.

- 11 hợp đồng chuyển nhượng và tiếp nhận vật thể kim loại quý, mã số HD2/606BB/2022.

- 01 hồ sơ tài khoản kho, mã số HS/606BB/2022.

- 100 tờ giấy logo nền Reserve Bank of Zimbabwee, mã số GIAY10/606BB/2022.

- 200 tờ giấy có logo One M, mã số GIAY11/606BB/2022.

- 03 giấy A4 gồm tiếng Anh và phụ đề tiếng Việt có ký xác nhận của Nguyễn Văn T3 Em, mã số GIAY12/606BB/2022.

- 01 hợp đồng chuyển nhượng và tiếp nhận kim loại quý có tên Nguyễn Văn Tâm E, mã số HD3/606BB/2022.

- 01 thuyết minh dự án điện mặt trời, chủ đầu tư Nguyễn Văn Tâm E, mã số GIAY13/606BB/2022.

- 01 điện thoại di động hiệu Galaxy J8 (đã qua sử dụng, thực nhận 01 điện thoại Samsung J8, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện), mã số DT7/606BB/2022.

- 01 bản hợp đồng pho to vay tiền số 1684 ngày 15/02/2020 bên cho vay Ngô Kim C4, bên vay Lâm Thị T4, mã số HD4/606BB/2022.

- 01 bản hợp đồng pho to bên nhận chuyển giao Nguyễn Phi H2, Nguyễn Văn D1 gồm 09 trang có chữ ký của Lâm Thị T4, mã số HD5/606BB/2022.

- 04 bản pho to hợp đồng và cam kết việc chuyển giao, tiếp nhận và xử lý USD 2003 – 2013, mệnh giá 100USD/01 tờ có chữ ký Lâm Thị T4, mã số HD6/606BB/2022.

- 02 bản pho to cam kết không hủy ngang về việc tự nguyện thỏa thuận hợp tác đầu tư tìm kiếm thu gom hàng USD trôi nổi trên lãnh thổ Việt Nam, mã số GIAY14/606BB/2022.

- 01 bản chính cam kết không hủy ngang về việc tự nguyện thỏa thuận hợp tác đầu tư, tìm kiếm, thu gom hàng USD trôi nổi trên lãnh thổ Việt Nam, có chữ ký đại diện bên A là Tính Thị Mai T10, mã số GIAY15/606BB/2022.

- 02 bản chính biên nhận ghi ngày 21/01/2021 và ngày 03/6/2020 có chữ ký của Tính Thị Mai T10, mã số GIAY16/606BB/2022.

- 01 bản chính giấy cam kết ghi ngày 25/3/2020 có chữ ký của Nguyễn Thị Cúc H3, mã số GIAY17/606BB/2022.

- 01 bản chính giấy xác nhận giao tiền ghi ngày 25/6/2020 người giao Lâm Thị T4, người nhận Lâm Xuân T11, người làm chứng Nguyễn Thị Cúc H3, mã số GIAY18/606BB/2022.

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/606 ngày 22/9/2022, được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC02 - Công an Thành phố H.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 587 và Điều 589 của Bô luật dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Phan Thị Ả, với số tiền 565.000.000 (Năm trăm sáu mươi lăm triệu) đồng. Chia phần bị cáo Lê Văn T bồi thường 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Văn T3 Em bồi thường 165.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng và bị cáo Nguyễn Thị T2 bồi thường 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Tiếp tục tạm giữ 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng mà Lê Thị Thu H1 đã nộp tại Cơ quan điều tra để đảm bảo cho việc thi hành án, phần mà bị cáo Lê Văn T phải bồi thường. Số tiền trên hiện Ngân hàng TMCP C8 đang tạm giữ, theo giấy nộp tiền ngày 04/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Về án phí:

- Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách nhà nước.

- Bị cáo Lê Văn T phải chịu 1.000.000 (Một triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Văn T3 Em phải chịu 8.250.000 (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng và bị cáo Nguyễn Thị T2 phải chịu 4.000.000 (Bốn triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách nhà nước.

Về Quyền kháng cáo:

Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (13)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa (nếu có); (2)
- Đương sự (nếu có); (14)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (46) (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu